

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 19-01-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Cao Thị Hạ

Bà Nguyễn Thị Luyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị A; nơi cư trú: Số 141D/213 Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Bị đơn: Anh Lương Cao B; ĐKKHKT: Số 141D/213 Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 6 Stalbal, Melbourne, Úc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị A trình bày:*

Chị và anh Lương Cao B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

vào ngày 10 tháng 10 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận và sinh được 02 con. Đến năm cuối năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Năm 2018, anh B sang Úc sinh sống và làm việc. Vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tuy nhiên chỉ đề hỏi thăm con cái chứ vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Cao B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Lương Gia Hưng, sinh ngày 18/10/2011 và cháu Lương Ngọc Lâm, sinh ngày 03/7/2015, hiện nay đang ở với tôi. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai gửi cho Tòa án, bị đơn là anh Lương Cao B trình bày như sau:*

Anh và chị Phạm Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 10 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận và sinh được 02 con. Đến cuối năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do không cùng chung quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018, anh sang Úc sinh sống và làm việc. Do điều kiện địa lý xa xôi, vợ chồng dần ít liên lạc, chỉ liên lạc để nói chuyện liên quan đến con cái và không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Bản thân anh nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không tồn tại, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn dù đã được hai bên gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần. Nay chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh, anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị A có 02 con chung là cháu Lương Gia Hưng, sinh ngày 18/10/2011 và cháu Lương Ngọc Lâm, sinh ngày 03/7/2015, hiện nay đang ở với chị A. Do chị A là người chăm sóc các con từ khi anh đi nước ngoài nên khi ly hôn, anh và chị A thỏa thuận yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 10 năm 2011 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng không thể hàn gắn, cả hai anh chị đều thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị A với anh Lương Cao B. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Lương Gia Hưng, sinh ngày 18/10/2011 và cháu Lương Ngọc Lâm, sinh ngày 03/7/2015 cho chị Phạm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là anh Lương Cao B hiện đang sinh sống tại Úc, nguyên đơn là chị Phạm Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Phạm Thị A, bị đơn là anh Lương Cao B vắng mặt nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị A, anh Lương Cao B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 10 năm 2011. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh chị cùng trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu do không cùng chung quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay cả hai anh chị đều xác định tình

cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên quyết định ly hôn, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị A và anh B là tự nguyện, căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B có 02 con chung là cháu Lương Gia Hưng, sinh ngày 18/10/2011 và cháu Lương Ngọc Lâm, sinh ngày 03/7/2015, hiện cả hai cháu đang ở với chị A. Ly hôn, chị A và anh B cùng yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị A nuôi dưỡng. Mặt khác, cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với chị A nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy, việc giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung khi ly hôn của chị A và anh B. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc tạm thời không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị A được ly hôn anh Lương Cao B.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lương Gia Hưng, sinh ngày 18/10/2011 và cháu Lương Ngọc Lâm, sinh ngày 03/7/2015 cho chị Phạm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B về việc tạm thời không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị A và anh Lương Cao B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

## 2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000853 ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Lương Cao B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Kim Dung   Nguyễn Thị Luyện**

**Đặng Hồ Điệp**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Minh Nguyệt Nguyễn Thành Biên**

**Đặng Hồ Điệp**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Máy Chai, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**